**MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ - TRƯỜNG**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | 2  (TN1, TN5) |  |  |  | 1  (TN6) |  |  |  | 7,5 |
| Các phép tính với phân số |  |  |  |  |  | 4  (TL1a,b,c,d) |  |  | 20 |
| **2** | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với  số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | 1  (TN2) |  |  |  | 1  (TN7) |  |  | 1  ( TL5) | 15 |
| **3** | **Các hình**  **hình học cơ**  **bản** | Điểm, đường thẳng, tia | 2  (TN9, TN11) |  |  |  |  |  |  |  | 5 |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | 1  (TN3) | 1  (TL3) |  |  |  |  |  |  | 12,5 |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | 2  (TN10, TN12) | 2  (TL2a,b) |  |  |  |  |  |  | 25 |
| **4** | **Một số yếu tố**  **xác suất** | Làm quen với một số mô hình xác  suất đơn giản. Làm quen với việc  mô tả xác suất (thực nghiệm) của  khả năng xảy ra nhiều lần của một  sự kiện trong một số mô hình xác  suất đơn giản | 1  ( TN8) |  | 1  (TN4) |  |  |  |  |  | 5 |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của  khả năng xảy ra nhiều lần của một  sự kiện trong một số mô hình xác  suất đơn giản |  |  |  |  |  | 1  (TL4) |  |  | 10 |
| **Tổng** | | | **9** | **3** | **1** |  | **2** | **4** |  | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **52,5%** | | **2,5%** | | **35%** | | **10%** | | 100 |
| **Tỉ lệ chung** | | | **55%** | | | | **45%** | | | | **100** |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6**

| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | |  |  |  |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy  tắc bằng nhau của hai phân số.  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  – Nhận biết được số đối của một phân số.  – Nhận biết được hỗn số dương. | 2  (TN1, TN5) |  | 1  (TN6) |  |
|  |  | ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân  đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết  và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết  giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với  các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động  trong Vật lí,...). |  |  | 4  (TL1a,b,c,d) |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân  ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân  đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính  viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết  giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với  các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán  liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...)  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. | 1  (TN2) |  | 1  (TN7) | 1  (TL5) |
| ***HÌNH HỌC PHẲNG*** | | | |  |  |  |  |
| **3** | **Các hình**  **hình học cơ**  **bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm  thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng  đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  – Nhận biết được khái niệm tia. | 2  (TN9, TN11) |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng | 2  (TN3, TL3) |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết khái niệm số đo góc. | 4  (TN10, TN12  TL2a,b) |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố**  **xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác***  ***suất đơn giản. Làm quen với việc***  ***mô tả xác suất (thực nghiệm) của***  ***khả năng xảy ra nhiều lần của một***  ***sự kiện trong một số mô hình xác***  ***suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***  – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản  (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng  với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra  nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. | 1  ( TN8) | 1  (TN4) |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của***  ***khả năng xảy ra nhiều lần của một***  ***sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy  ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số  mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1  (TL4) |  |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 6**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 3 điểm (Thời gian làm bài 30 phút)**

***I.* *Khoanh tròn chữ cái trước phương án đúng (mỗi câu 0,25 điểm)***

**Câu 1**. Tử số của phân số  là

A. –3. B.7. C. 3. D. –7.

**Câu 2.** Số nào sau đây là số thập phân âm?

A. –3,2. B.3,2. C. . D. .

**Câu 3.** Chọn trong ba phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.

Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi

A. MA = MB.

B. Điểm M nằm giữa A, B và MA = MB.

C. Điểm M nằm giữa A, B.

D. Điểm M cách đều hai điểm A và B.

**Câu 4.** Gieo một con xúc xắc sáu mặt 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt hai chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt hai chấm là

A. . B..  C. . D. .

***II. Hãy đánh dấu X vào ô Đúng hoặc Sai ứng với từng khẳng định được cho trong bảng sau (1,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khẳng định** | **Đúng** | **Sai** |
| **Câu 5.** Số đối của phân số  là . |  |  |
| **Câu 6.** Giá trị của 15 bằng 10. . |  |  |
| **Câu 7.** Làm tròn số 52,069 5 đến hàng phần trăm ta được kết quả  là 52,07. |  |  |
| **Câu 8.** Tung đồng xu một lần. Kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu là 1. |  |  |

***III. Chọn từ (số) thích hợp điền vào (...) để được khẳng định đúng (1,0 điểm)***

**Câu 9.** Ba điểm phân biệt A, B, C cùng thuộc một đường thẳng được gọi là ..................................

**Câu 10.** Góc là hình tạo bởi hai tia ......................................

**Câu 11.** Nếu hai đường thẳng có một điểm chung, ta nói rằng hai đường thẳng đó ...................................

**Câu 12.** Góc có số đo nhỏ hơn 90o là ...............................….

**B. PHẦN TỰ LUẬN: 7 điểm (Thời gian làm bài 60 phút)**

**Câu 1.**(2 điểm)Thực hiện phép tính:

a) ; b) ;

c) ; d) .

**Câu 2.** (2 điểm) Quan sát hình vẽ sau



a) Viết tên các góc có trên hình vẽ.

b) Trong các góc nêu trên: góc nào nào là góc nhọn, góc tù, góc bẹt?

**Câu 3.** (1 điểm) Cho điểm O nằm trên đường thẳng xy. Gọi M là điểm nằm trên tia Ox và cách O một khoảng bằng 2cm. Gọi N là điểm nằm trên tia Oy và cách O một khoảng bằng 2cm. Vẽ hình và cho biết điểm O có phải là trung điểm của đoạn thẳng MN không?

**Câu 4.** (1 điểm) Trong một hộp có một số bút bi xanh và một số bút bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ hộp xem màu rồi trả lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 60 lần, ta được kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại bút | Bút bi xanh | Bút bi đỏ |
| Số lần | 48 | 12 |

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh. Em hãy dự đoán xem trong hộp có loại bút bi nào nhiều hơn?

**Câu 5.** (1 điểm) Năm 2021 Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt dự án xây dựng công trình đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, dự án này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, sẽ góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Sóc Trăng nói riêng và khu vực đồng bằng Sông Cửu Long nói chung. Giả sử một ôtô khi chạy trên đường quốc lộ với vận tốc 60km/h, nếu ôtô đó chạy trên đường cao tốc thì vận tốc được tăng thêm 20%. Tính vận tốc của ôtô đó khi chạy trên đường cao tốc.